TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2017/HS-ST
Ngày 29 – 12 – 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Trần Thị Lệ.

Ông: Đàm Thanh Vũ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tòng, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 36/2017/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1989, tại thị xã C, tỉnh Sóc Trăng; trú tại khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hoá: Lớp 05/12; cha Nguyễn Văn T, mẹ Nguyễn Thị H; có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố ngày 15/8/2017 và áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* cho đến nay. Bị cáo L có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người tham gia tố tụng khác *(Người làm chứng):*

1. Ông Khưu Văn Đ, sinh năm 1984 *(Có mặt)*.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1996 *(Có mặt)*.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Nguyễn Ngọc L và bà Đỗ Thị M có mối quan hệ là

bạn hàng mua bán trái cây trước đó và bà M còn nợ tiền trái cây của bị cáo L số tiền 5.500.000 đồng, bị cáo đòi bà M nhiều lần nhưng bà M chưa trả.

Vào khoảng 10 giờ ngày 31/5/2017, bị cáo L hay tin bà M nhận được tiền bồi thường tái định cư tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên bị cáo L mới nói với chồng của bị cáo là ông Khưu Văn Đ chở bị cáo đến gặp bà M để đòi số tiền 5.500.000 đồng bà M còn thiếu trước đó. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, ông Đ chở bị cáo L đến trước cổng Ủy ban nhân dân phường B, khi đến bị cáo L thấy bà M đang đứng phía bên kia lộ nhựa ngang cổng Ủy ban nhân dân phường B, khi gặp bà M thì bị cáo L kêu bà M trả tiền cho mình nhưng bà M không chịu trả mà hẹn lần sau về sẽ trả, lúc này bị cáo nhìn thấy bà M đang kẹp nách túi sơ mi nhựa bên trong có đựng tiền, nên bị cáo đến đưa tay giật lấy túi sơ mi nhựa của bà M, bà M nắm giữ lại nhưng không được và bà M có la lên *"Mấy anh ơi, nó lấy tiền của em kìa",* sau khi giật lấy xong túi sơ mi nhựa bị cáo nhìn thấy tiền ít, khi đó bị cáo nhìn thấy trong túi quần bà M đang mặt trên người có đựng tiền và có dùng kim tây cài lại, bị cáo bước tới dùng tay mở kim tây và móc hết số tiền trong túi quần bà M, khi bị móc tiền trong túi quần của mình thì bà M dùng tay che chắn túi quần lại nhằm không cho bị cáo lấy tiền, nhưng bị cáo dùng hai tay mở tay của bà M ra và móc lấy hết số tiền trong túi quần của bà M.

Sau khi móc tiền từ túi quần của bà M ra, bị cáo đếm được tổng số tiền là 3.500.000 đồng thì Công an phường B mời vào làm việc, lúc này bị cáo đi vào cơ quan Công an phường B và tiếp tục lấy thêm số tiền 2.000.000 đồng từ túi sơ mi nhựa đã giật của bà M lúc đầu để đủ số tiền 5.500.000 đồng mà bà M thiếu và bỏ túi sơ mi nhựa trên bàn tại trụ sở Công an phường B.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm đã tiền hành mời bị cáo L và bà M để tiến hành làm việc; qua đó, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi cưỡng đoạt tài sản của mình và đã giao nộp lại số tiền 5.500.000 đồng cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm quản lý.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tinh tiết giảm nhẹ: Trước khi thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; sau khi thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi, nên bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà M không yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm thu giữ số tiền 5.500.000 đồng, hiện nay chuyển giao cho cơ quan Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm quản lý; người bị hại bà M đồng ý giao trả cho bị cáo L số tiền 5.500.000 đồng mà bị cáo L giật lấy.

Tại Cáo trạng số: 18/QĐ – KSĐT, ngày 25/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm để xét xử các bị cáo Nguyễn Ngọc L về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 135 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm giữ nguyên quan điểm đã quyết định truy tố bị cáo L về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 135 BLHS. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 33, 45; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; đồng thời, áp dụng Điều 60 BLHS, tuyên phạt bị cáo Lanh với mức án từ 01 năm đến 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 48 tháng, được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/12/2017. Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm giám sát, giao dục trong thời gian thử thách. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà M không yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại, nên không đặt ra xem xét. Về vật chứng vụ án: Số tiền 5.500.000 đồng, đây là số tiền của bà M, nên đề nghị trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nhưng cần ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà M là giao trả số tiền này *(Trả nợ)* cho bị cáo.

- Bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát như đã nêu trên, do bị cáo ít hiểu biết pháp luật, nay bị cáo đã biết mình phạm tội, xin cho bị cáo được hưởng án treo, vì bị cáo có con còn nhỏ. Bị cáo yêu cầu được nhận số tiền 5.500.000 đồng vì bà M đồng ý trả số tiền này cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người bị hại bà Đỗ Thị M vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt bà Mai; việc vắng mặt của bà M không gây cản trở cho việc xét xử, nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 191 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Nên có đủ căn cứ xác định rằng vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 31/5/2017, ông Đ chở bị cáo L đến trước cổng Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng để tìm bà Đỗ Thị M đòi tiền mua bán trái cây bà M còn thiếu là 5.500.000 đồng; khi đến bị cáo L thấy bà M đang đứng phía bên kia lộ nhựa ngang cổng Ủy ban nhân dân phường B, khi gặp bà M thì bị cáo L kêu bà M trả tiền cho mình nhưng bà M hẹn lần sau về sẽ trả và bà M đã hẹn với bị cáo nhiều lần, lúc này bị cáo nhìn thấy bà M đang kẹp nách túi sơ mi nhựa bên trong có đựng tiền, nên bị cáo đến đưa tay giật lấy túi sơ mi nhựa của bà M. Sau khi giật lấy xong túi sơ mi nhựa bị cáo nhìn thấy tiền ít, khi đó bị cáo nhìn thấy trong túi quần bà M đang mặt trên người có đựng tiền và có dùng kim tây cài lại, bị cáo bước tới dùng tay mở kim tây và móc hết số tiền trong túi bà M, khi bị móc tiền trong túi của mình thì bà M

dùng tay che chắn túi quần lại nhằm không cho bị cáo lấy tiền, nhưng bị cáo dùng hai tay mở tay của bà M ra và móc lấy hết số tiền trong túi quần của bà M. Sau khi móc tiền từ túi quần của bà M ra, bị cáo đếm được tổng số tiền là 3.500.000 đồng thì Công an phường B mời vào làm việc, lúc này bị cáo đi đến cơ quan Công an phường B và tiếp tục lấy thêm số tiền 2.000.000 đồng từ túi sơ mi nhựa đã giật của bà M lúc đầu để đủ số tiền 5.500.000 đồng mà bà M thiếu và bỏ túi sơ mi nhựa trên bàn tại trụ sở Công an phường B. Như vậy, bị cáo L có hành vi uy hiếp tinh thần thông qua việc đòi nợ mà bà M đã thiếu, nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 5.500.000 đồng của bà M để trừ nợ. Do đó, hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 135 của BLHS đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố.

[3] Xét thấy, bị cáo L là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự; lẽ ra, việc bà M thiếu tiền bị cáo không trả thì bị cáo có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của pháp luật, nhưng thông qua việc đòi nợ bị cáo đã có hành vi cưỡng đoạt tài sản của bà M. Hành vi của bị cáo L đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây ra với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ; hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn góp phần gây mất ổn định và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, nên việc truy tố đưa bị cáo L ra xét xử nghiêm trước pháp luật là cần thiết; nhằm răn đe, giáo dục để bị cáo cải sửa bản thân trở thành công dân tốt, đồng thời để giáo dục, răng đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trước khi thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; sau khi thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi, nên bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, cần cho bị cáo L hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Ngoài ra, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; từ trước đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật ở địa phương; có khả năng tự cải tạo, nên đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện áp dụng Điều 60 của BLHS. Do đó, HĐXX thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần tuyên mức án tù cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo L phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 135 BLHS. Đồng thời, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 33, 45; điểm g, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS và áp dụng Điều 60 BLHS, tuyên phạt bị cáo L với mức án từ 01 năm đến 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 48 tháng, được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 25/12/2017. Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm giám sát,

giao dục trong thời gian thử thách. Xét thấy, đề nghị trên của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm Dân sự: Người bị hại bà Đỗ Thị M không yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Số tiền 5.500.000 đồng là tiền của bà M do bị cáo L chiếm đoạt, số tiền này cần trả lại cho chủ sở hữu, nhưng bà M cũng đồng ý giao trả số tiền này cho bị cáo *(Trả nợ mà bà Mai thiếu);* nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 41 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật TTHS, trả lại cho chủ sở hữu và ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà M là giao trả số tiền này cho bị cáo L *(Trả nợ)*. Xét thấy, đề nghị trên là phù hợp, nên HĐXX ghi nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 của Bộ luật TTHS và theo quy định tại khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 41, khoản 1 Điều 135, Điều 33, 45, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2009).*

Căn cứ khoản 2 Điều 99, điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

Căn cứ khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*.

- Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 01 *(Một)* năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 *(Hai mươi bốn)* tháng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/12/2017. Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm giám sát, giao dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Đỗ Thị M không yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Giao trả cho bị cáo Nguyễn Ngọc L số tiền 5.500.000 đồng *(Năm triệu năm trăm nghìn đồng),* số tiền này hiện nay do Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm quản lý.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014)* thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKS thị xã Ngã Năm;
- CA thị xã Ngã Năm;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Toàn